

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 39/TC-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 1997

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thi hành Nghị định số 5/CP ngày 20-1-1997 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao***

*Căn cứ Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (sửa đổi) được Ủy ban
Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 5 năm 1994;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi một số Điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu
nhập cao được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 6 tháng 2 năm 1997;*

*Căn cứ Nghị định số 5/CP ngày 20-1-1995 và Nghị định số 30-CP ngày 5-4-1997 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;*

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng nộp thuế:

Đối tượng nộp thuế thu nhập theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 5-CP ngày 20-1-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (dưới đây gọi tắt là thuế thu nhập) bao gồm:

1.1. Công dân Việt Nam ở trong nước hoặc đi công tác, lao động ở nước ngoài có thu nhập;

1.2. Cá nhân khác định cư tại Việt Nam là người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng định cư không thời hạn tại Việt Nam;

1.3. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có thu nhập bao gồm:

Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội... của Việt Nam hoặc của nước ngoài, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công

ty nước ngoài; các cá nhân hành nghề độc lập;

Người nước ngoài tuy không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trong các trường hợp như: thu nhập từ chuyển giao công nghệ, tiền bản quyền.

2. Thu nhập chịu thuế:

Thu nhập chịu thuế quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 5-CP ngày 20-1-1995 và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30-CP ngày 5-4-1997 của Chính phủ bao gồm thu nhập thường xuyên và thu nhập không thường xuyên.

2.1. Thu nhập thường xuyên gồm:

2.1.1. Các khoản thu nhập dưới các hình thức tiền lương, tiền công, tiền thù lao; bao gồm cả tiền lương làm thêm giờ, lương ca 3, lương tháng thứ 13 (nếu có), tiền trợ cấp thay lương nhận từ quỹ bảo hiểm xã hội; tiền ăn trưa, ăn giữa ca.

2.1.2. Tiền thưởng tháng, quý, năm, thưởng đột xuất nhân dịp ngày lễ, tết,... từ tất cả các nguồn, dưới các hình thức;

2.1.3. Thu nhập nhận được do tham gia hiệp hội kinh doanh, Hội đồng quản trị, Hội đồng quản lý, Hội đồng doanh nghiệp;

2.1.4. Các khoản thu nhập ổn định của các cá nhân nêu tại Điều 1 Nghị định số 5-CP ngày 20-1-1995 do tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các loại không thuộc đối tượng nộp thuế lợi tức kể cả thu nhập của cá nhân trong mọi lĩnh vực, ví dụ như thiết kế, kiến trúc, dịch vụ tư vấn theo hợp đồng dài hạn, dạy nghề, dạy học, luyện thi, biểu diễn văn hoá nghệ thuật...

2.1.5. Các khoản thu nhập do các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chi trả hộ tiền nhà, điện, nước. Riêng tiền nhà tính theo số thực tế chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% số thu nhập về tiền lương, tiền công, tiền thù lao có tính chất đều đặn hàng tháng. Trường hợp cá nhân ở cùng trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế cũng được tính tối đa 15%. Việc xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp này căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng và diện tích của căn nhà.

2.2. Thu nhập không thường xuyên gồm:

2.2.1. Thu nhập về quà biếu, quà tặng bằng hiện vật do các tổ chức, cá nhân từ nước ngoài gửi về cho các cá nhân ở Việt Nam dưới các hình thức: gửi qua các tổ chức chi trả thu nhập như

bưu điện, nhờ người mang hộ về nước. Người nhận quà là các cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài, chủ hoặc người đại diện của doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp hiện vật của bản thân cá nhân mang theo người vào Việt Nam đã kê khai trong tờ khai hải quan khi làm thủ tục nhập cảnh thì không thuộc thu nhập chịu thuế về quà biếu, quà tặng.

2.2.2. Thu nhập về chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng, bao gồm:

Chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá; nhãn hiệu thương mại...

Chuyển giao thông qua việc mua bán, cung cấp (có hoặc không kèm theo thiết bị); bí quyết kỹ thuật, phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế hoặc mẫu thiết kế, công thức, bản vẽ, sơ đồ, bảng, biểu, thông số kỹ thuật hoặc kiến thức kỹ thuật chuyên môn khác.

Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn sau:

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá cơ hội, nghiên cứu tiền khả thi và khả thi các dự án đầu tư và đổi mới công nghệ;

Hỗ trợ kỹ thuật, lựa chọn công nghệ, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, vận hành thử các dây chuyền công nghệ;

Tư vấn về quản lý công nghệ, tổ chức và vận hành các quá trình công nghệ và sản xuất;

Đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và quản lý của các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân (không bao gồm các hình thức đào tạo chuyên ngành);

Thực hiện dịch vụ về thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về thị trường, công nghệ, pháp lý, tài nguyên và môi trường.

Chuyển giao việc sử dụng hoặc quyền sử dụng các thiết bị công nghiệp, thương nghiệp hoặc khoa học (không bao gồm hoạt động thuần túy nhập máy móc, thiết bị, vật tư...).

Trường hợp quà biếu, quà tặng là chuyển giao công nghệ quyền sở hữu công nghiệp như quy định tại điểm 2.2.2. này thì cá nhân nhận được thu nhập quà biếu, quà tặng đó không phải nộp thuế thu nhập không thường xuyên.

2.2.3. Thu nhập về tiền bản quyền các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

2.2.4. Thu nhập về thiết kế kỹ thuật xây dựng, thiết kế kỹ thuật công nghiệp và dịch vụ khác: dịch vụ tư vấn, dịch vụ đào tạo, dịch vụ môi giới, thu nhập từ thưởng khuyến mại hoặc hoa hồng môi giới...

2.2.5. Thu nhập từ các hoạt động khoa học như: hội thảo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

2.2.6. Trúng thưởng xổ số do Nhà nước phát hành và các hình thức xổ số khuyến mại.

3. Tạm thời chưa thu thuế thu nhập đối với các khoản thu nhập về lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi mua tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 5-CP.

4. Các khoản thu nhập không thuộc diện chịu thuế thu nhập quy định tại Điều 4 Nghị định số 5-CP bao gồm:

4.1. Các khoản thu nhập dưới đây do Nhà nước Việt Nam quy định đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam; mức chi bằng tiền được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành. Đối với người nước ngoài số phụ cấp được xác định trên cơ sở tiền lương cơ bản theo hợp đồng và hệ số phụ cấp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chung cho mọi đối tượng.

Phụ cấp làm đêm (không bao gồm lương ca 3);

Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những nghề hoặc công việc ở những nơi có điều kiện độc hại, nguy hiểm như: hầm lò; giàn khoan ngoài biển; treo người trên cao; tiếp xúc trực tiếp với chất độc, khí độc, bụi độc; làm việc ở nơi có phóng xạ, tia bức xạ trên mức cho phép;

Phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút, phụ cấp đặc biệt đối với những nơi xa xôi hẻo lánh, khí hậu xấu, vùng kinh tế mới, đảo xa đất liền, vùng biên giới có điều kiện khó khăn, không bao gồm phụ cấp xa Tổ quốc của người nước ngoài;

Phụ cấp thâm niên đối với lực lượng vũ trang: Quân đội nhân dân Việt Nam, quân nhân chuyên nghiệp, lực lượng an ninh, lực lượng cảnh sát nhân dân;

Phụ cấp đặc thù của một số ngành nghề: pháp y, mổ;

Các khoản phụ cấp của công chức Nhà nước và các khoản phụ cấp khác có nguồn chi từ ngân sách Nhà nước, phụ cấp ưu đãi đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945;

Tiền công tác phí trong các lần đi công tác: tiền trả cho phương tiện đi lại, tiền thuê phòng ngủ, tiền lưu trú. Trường hợp khoán công tác phí thì cũng chỉ được trừ những chi phí trên;

Tiền ăn định lượng của một số công việc, một số nghề đặc biệt, bữa ăn tại chỗ (trừ trường hợp nhận bằng tiền);

Các khoản trợ cấp xã hội của các đối tượng hưởng chính sách xã hội như: thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công giúp đỡ cách mạng; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp giải quyết các tệ nạn xã hội;

Trợ cấp thôi việc được chi từ quỹ bảo hiểm xã hội;

Trợ cấp điều động về cơ sở sản xuất theo quy định của Nhà nước bao gồm cả trợ cấp chuyển vùng một lần của người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam;

Tiền bồi thường bảo hiểm do tham gia bảo hiểm con người và tài sản;

Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh, các giải thưởng quốc tế, các giải thưởng quốc gia do Nhà nước Việt Nam tổ chức, công nhận (trừ tiền thưởng do các tổ chức, cá nhân khác tài trợ);

Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu do Nhà nước phong tặng như: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động, Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Nghệ sỹ Nhân dân, Nghệ sỹ ưu tú...

4.2. Lợi tức của chủ hộ kinh doanh cá thể đã thuộc diện chịu thuế lợi tức theo Luật Thuế lợi tức (thu nhập của họ không được tính vào chi phí khi xác định lợi tức chịu thuế).

4.3. Thu nhập thường xuyên của người nước ngoài ở tại Việt Nam dưới 30 ngày trong phạm vi 12 tháng liên tục.

II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

CĂN CỨ TÍNH THUẾ THU NHẬP LÀ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ SUẤT

1. Đối với thu nhập thường xuyên:

1.1. Thu nhập thường xuyên chịu thuế là tổng thu nhập của từng cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 5-CP tính bình quân tháng trong năm, cụ thể:

1.1.1. Công dân Việt Nam ở trong nước hoặc đi công tác, lao động ở nước ngoài, cá nhân khác định cư tại Việt Nam: lấy tổng thu nhập thu được trong năm kể cả thu nhập ở nước ngoài chia cho 12 tháng (theo năm dương lịch).

1.1.2. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên lấy tổng số thu nhập phát sinh trong năm, bao gồm thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam chia cho 12 tháng. Trường hợp kê khai thu nhập bình quân tháng ở nước ngoài thấp hơn